

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 12 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm

Bà Dương Thị Mỹ Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Nguyễn Phi D, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Nguyễn Phi D chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh D về nhà anh tại thị xã T sống, vợ chồng ít gặp nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Anh D không chăm lo cho gia đình, thường xuyên tụ tập đi chơi với bạn bè. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh D

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung tên Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/5/2014, hiện đang ở chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 09/8/2020 anh Trần Nguyễn Phi D trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/5/2014 đang sống chung với chị T, anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, phạm vi xét xử, trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Nguyễn Phi D.

Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/5/2014 cho chị Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng chị Nguyễn Thị T và anh Trần Nguyễn Phi D có đơn đề nghị vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Nguyễn Phi D chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Chị T và anh D trình bày thống nhất sau khi kết hôn, anh D không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh D cũng đồng ý ly hôn với chị T, do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị T và anh D thống nhất giao cháu Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/5/2014 cho chị T nuôi dưỡng nên cần ghi nhận. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu..

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147; Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Nguyễn Phi D.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Nguyễn Phi D.

Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/5/2014 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh D không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị T, anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T, anh D trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0018199 ngày 29/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã P, H. Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thanh Vy